

Số: 112/2025/QĐST-HNGĐ

Khoái Châu, ngày 17 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2025/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu:

- Bà Giang Thị D, sinh năm: 1977;

Căn cước công dân số: 033177000453; cấp ngày 04/07/2021;

Nơi thường trú, trú tại: Đ, thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1976;

Căn cước công dân số: 033076013525; cấp ngày 12/08/2021;

Nơi thường trú, trú tại: Đ, thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Giang Thị D và ông Nguyễn Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên) ngày 18/01/1996. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm, lối sống. Kể từ năm 2023 đến nay, vợ chồng ông

bà sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân, hai bên không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thể hiện đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D và ông T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Giang Thị D và ông Nguyễn Đình T.

[2] Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 27/10/1996 và anh Nguyễn Đình T2, sinh ngày 08/9/1998. Các con chung đều đã trưởng thành và tự lập cuộc sống nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà D và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về công sức đóng góp giữa hai bên gia đình và ruộng canh tác: Bà D và ông T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ: Bà D và ông T đều khẳng định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà D và ông T thỏa thuận để bà D chịu toàn bộ và nộp theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà Giang Thị D và ông Nguyễn Đình T.

- *Về con chung:* Bà D và ông T có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 27/10/1996 và anh Nguyễn Đình T2, sinh ngày 08/9/1998. Các con chung đều đã trưởng thành và tự lập cuộc sống nên không xem xét, giải quyết.

- *Về các vấn đề khác:* Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất, công sức đóng góp, xây dựng đối với gia đình hai bên nội, ngoại đều không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: bà D tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002573 ngày 02/6/2025. Bà D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *THA huyện Khoái Châu;*
- *UBND xã Tân Dân;*
- *Lưu hồ sơ*

Lê Trung Kiên